

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 05/03/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Cán bộ Tòa án

Ngày 05.03.2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐHPT – ST ngày 20.02.2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Xã M, huyện N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Xã Hoà M, huyện N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 05/09/2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào ngày 12/07/2020 tôi có cho bà Nguyễn Thị Thanh Th mượn số tiền 140.600.000 đồng. Bà Th có viết hợp đồng mượn tiền đề ngày 12/07/2020, theo hợp đồng bà Nguyễn Thị Thanh Th phải hoàn trả số tiền vào ngày 12/08/2020 nhưng đến nay bà Th vẫn chưa thực hiện việc trả tiền cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Toà án buộc bà Th phải lại cho tôi số tiền đang nợ là 140.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/08/2020 đến nay là 45 tháng, theo lãi suất là 7%/năm, cụ thể: $45 \times 820.167 = 36.908.000$ đồng. Tổng cộng yêu cầu bà Th phải trả cho tôi là: 177.508.000 đồng.

Tại buổi hoà giải ngày 07/01/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Th trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc còn nợ là: 128.600.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi

* **Tại biên bản hoà giải ngày 07/01/2025 bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:**

Giữa tôi và bà Th trước đây có chơi biêu hụi với nhau, nhưng do nợ bà Th nên

ngày 12/07/2020 tôi mới viết hợp đồng mượn tiền đề ngày 12/07/2020 để xác nhận nợ bà Thành số tiền: 140.600.000 đồng và hẹn vào ngày 12/08/2020 sẽ trả. Chữ viết và chữ ký trên hợp đồng mượn tiền đề ngày 12/07/2020 là do tôi viết bên mượn, không ghi bên cho mượn nhưng tôi xác nhận là viết mượn tiền của bà Nguyễn Thị Th.

Sau đó tôi đã có chuyển trả cho bà Th được số tiền: 12.000.000 đồng và hiện còn nợ số tiền là: 128.600.000 đồng. Hiện nay do điều kiện làm ăn khó khăn tôi không có khả năng trả cho bà Th số tiền trên một lần mà yêu cầu hàng tháng được trả cho bà Th số tiền mỗi tháng: 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với tiền lãi tôi không yêu cầu trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th cư trú tại địa chỉ: Thôn Phú Sơn 1, xã Hoà Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th xác nhận số tiền gốc bà Th còn nợ là: 128.600.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th cũng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền: 48.908.000 đồng. Chỉ yêu cầu Tòa án buộc trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh Th số tiền còn nợ là: 128.600.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng mượn tiền đề ngày 12/07/2020 có nội dung “ bên A đồng ý cho bên B mượn số tiền: 140.600.000 đồng, thời hạn mượn từ ngày 12/07/2020 đến khi bên A thông báo yêu cầu trả lại tiền 12/08/2020. Khi bên A có yêu cầu nhận lại tiền, bên B phải trả cho bên A trong vòng 03 ngày làm việc” có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh Th.

Về hợp đồng mượn tiền ngày 12/07/2020 không ghi tên tuổi của người cho mượn tiền và người mượn tiền. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải tại Tòa án ngày 07/01/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th thừa nhận hợp đồng mượn tiền ngày 12/07/2020 chữ viết và chữ ký là do bà Th ghi và xác nhận có nợ bà Th số tiền 140.600.000 đồng và đã trả cho bà Th được số tiền: 12.000.000 đồng nên còn nợ bà Th số tiền: 128.600.000 đồng. Lời trình bày của bà Th được bà Th xác nhận là đúng sự thật nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Việc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th đến nay không trả tiền mượn cho bà Th là đã vi phạm Điều 463 Bộ luật dân sự, quy định “ *Hợp đồng vay tài sản là sự*

thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...”

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...* ”

Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thanh Th có nợ của bà Nguyễn Thị Th số tiền: 128.600.000 đồng theo các giấy mượn tiền như trên mà các bên đương sự thừa nhận là có căn cứ. Do đó, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th trả số tiền: 128.600.000 đồng.

[4] Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền: 48.908.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu: 2.445.400 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền: 128.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 2.445.400 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền: 4.437.700 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002368 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯỞNG THANH PHÚC

